TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2023/DS-ST
Ngày 08 tháng 6 năm 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đặng Thị Mỹ Hường

- Ông Lê Thành Thật

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 104/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Ngọc T, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số 41E2, đường S, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Ngọc T: Ông Hồ Trung C, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (theo Giấy uỷ quyền ngày 08/3/2023 tại văn phòng công chứng Nguyễn Thành Quốc, tỉnh An Giang) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 272, đường L, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Hoàng K, sinh năm: 1986; Địa chỉ: số 41E2 đường S, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Ngọc T có người đại diện theo ủy quyền là ông Hồ Trung C trình bày:

Bà Lê Ngọc T và ông Nguyễn Thanh L có mối quan hệ quen biết (bà con xa). Ngày 10/10/2020, ông L có vay của bà T số tiền 2.000.000.000 đồng nhưng do tin tưởng nên đến ngày 10/11/2020, ông L mới viết biên nhận và ký tên, thoả thuận lãi suất vay 2%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 10/11/2020. Đến ngày 15/11/2020, ông L vay thêm số tiền 300.000.000 đồng, có viết biên nhận và ký tên nhưng không thoả thuận lãi và thời hạn trả. Từ khi vay đến nay ông L trả lãi được 120.000.000 đồng đối với khoản vay 2.000.000.000 đồng và 18.000.000 đồng đối với khoản vay 300.000.000 đồng, sau đó thì ông L không trả vốn, lãi cho bà T.

Bà Lê Ngọc T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh L phải trả số tiền vốn vay còn nợ là 2.300.000.000 đồng và lãi suất, cụ thể:

Số tiền vốn 2.000.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm, tính lãi từ tháng 03/2021 đến nay là 02 năm là: 2.000.000.000 đồng x 20%/năm x 02 năm = 800.000.000 đồng.

Số tiền vốn 300.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, tính lãi từ tháng 03/2021 đến nay là 02 năm là: 300.000.000 đồng x 10%/năm x 02 năm = 60.000.000 đồng.

Số tiền lãi ông L phải trả là: 860.000.000 đồng.

Tổng số tiền vốn, lãi ông L phải trả cho bà T là: 3.160.000.000 đồng và tiếp tục trả lãi theo quy định phát luật cho đến khi xét xử. Bà T không yêu cầu vợ ông L cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh L trình bày ý kiến:

Giữa ông với bà T có mối quan hệ quen biết. Do cần tiền kinh doanh nên bà T đã hứa giúp ông L vay số tiền 1.500.000.000 đồng. Việc bà T cho ông L vay tiền bằng hình thức thông qua người cháu rể tên Vũ Hoàng K nhận tiền của bà T để chuyển vào tài khoản của ông L. Từ ngày 06/5/2020 đến ngày 29/5/2020, ông K đã chuyển vào tài khoản ông L 06 lần với tổng số tiền 1.045.000.000 đồng; sau đó, khoảng giữa tháng 6/2020, ông K đưa tiền mặt cho ông L 445.000.000 đồng. Tổng số tiền chuyển khoản và tiền mặt ông L đã nhận của ông K là 1.500.000.000 đồng; lãi suất thoả thuận là 2%/tháng. Ông L đã thanh toán lãi cho ông K được 326.000.000 đồng, do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên việc kinh doanh bị ngưng trệ và gặp nhiều khó khăn nên tiền lãi còn nợ là 454.000.000 đồng.

Ngày 10/11/2020, bà T đến nơi làm việc của ông L tại phường Đ (gần khu vực cầu Tôn Đức Thắng) trao đổi liên quan đến việc bà T đưa tiền cho ông K để giúp ông L mượn số tiền 1.500.000.000 đồng và tiền lãi còn nợ khoảng 500.000.000 đồng nên bà T đã yêu cầu nhập tiền lãi và tiền vốn gốc khoảng 2.000.000.000 đồng. Ông L viết biên nhận là ngày 10/10/2020 có mượn của bà T số tiền 2.000.000.000 đồng. Bản chất của biên nhận này là số tiền mà ông L nhận từ ông K vốn gốc và tiền nợ lãi nhập chung nhưng ông L không có giấy tờ chứng minh.

Ngoài ra, bà T có trực tiếp chuyển khoản cho ông L mượn 04 lần tiền gồm: ngày 31/8/2020: 97.000.000 đồng; ngày 16/10/2020: 100.000.000 đồng; ngày 17/10/2020: 100.000.000 đồng; ngày 19/10/2020: 40.000.000 đồng, tổng cộng: 337.000.000 đồng. Ngày 15/11/2020, bà T yêu cầu ông L viết biên nhận vay thêm số tiền 300.000.000 đồng.

Ông L xác nhận còn nợ bà T số tiền: thông qua Vũ Hoàng K (cháu rể bà T) vay số tiền 1.500.000.000 đồng; tiền lãi: 454.000.000 đồng; bà T chuyển cho ông L vay số tiền: 337.000.000 đồng. Tổng cộng: 2.291.000.000 đồng. Ông L chỉ nhận tiền mặt: 1.837.000.000 đồng và tiền lãi: 454.000.000 đồng. Đối với 02 biên nhận bà T xuất trình thể hiện ông L vay tổng số tiền 2.300.000.000 đồng là chữ ký, chữ viết của ông L và đúng với giao dịch ông L đã xác nhận với bà T.

Yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông L chỉ chấp nhận một phần vì tổng số tiền nợ gốc 2.300.000.000 đồng, trong đó có 1.500.000.000 đồng bà T giao cho ông Vũ Hoàng K đứng tên cho ông L vay, ông K đã khởi kiện và được giải quyết bằng Bản án có hiệu lực pháp luật số 194/2022/DS-ST ngày 19/10/20222 của Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Như vậy, số tiền ông L còn phải trả cho bà T là nợ gốc 800.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ông L sẽ chịu trách nhiệm trả số tiền trên cho bà T và không yêu cầu vợ là bà Phạm Thị Kim L cùng có trách nhiệm liên đới trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Hoàng K có văn bản trình bày ý kiến vào ngày 04/5/2023 và đề nghị giải quyết vắng mặt với nội dung:

Việc vay mượn tiền giữa bà Lê Ngọc T và ông Nguyễn Thanh L hoàn toàn không liên quan gì đến số tiền của ông Vũ Hoàng K đã cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị Kim L vay, vụ việc trên đã được Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật số 194/2022/DS-ST ngày 19/10/20222 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.* Giao dịch giữa bà T, ông L là quan hệ riêng của cá nhân họ. Do công việc bận nên ông Vũ Hoàng K xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà T ông Hồ Trung C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông L trả số tiền nợ gốc 2.300.000.000 đồng, đồng ý khấu trừ lại số tiền lãi vượt quá quy định mà ông L đã thanh toán; về thời gian tính lãi thì chấp nhận tính lãi chậm thanh toán kể từ ngày 10/9/2021 với khoản vay 2.000.000.000 đồng và ngày 24/3/2023 với khoản vay 300.000.000 đồng. Đối với ý kiến của ông L về việc chỉ còn nợ bà T số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng thì đề nghị ông L phải xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Bị đơn ông L vẫn giữ nguyên ý kiến về việc chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, ông L vẫn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến trình bày của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc T. Buộc ông Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ trả cho bà Lê Ngọc T số tiền vốn, lãi tính đến ngày 08/6/2023 là 2.959.456.000 (trong đó: nợ gốc: 2.282.470.000 đồng, tiền lãi: 676.986.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Ngọc T khởi kiện ông Nguyễn Thanh L. Ông L có nơi cư trú tại phường B, thành phố L, tỉnh A. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà Lê Ngọc T ủy quyền cho ông Hồ Trung C theo văn bản ủy quyền ngày 08/3/2023. Thủ tục ủy quyền trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ông C tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

- Về nội dung:

[4] Bà T khởi kiện yêu cầu ông L trả tổng số tiền nợ gốc của 02 khoản vay là 2.300.000.000 đồng và 860.000.000 đồng tiền lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L chỉ thừa nhận số tiền còn phải trả cho bà T 800.000.000 đồng

Căn cứ vào Biên nhận ngày 10/11/2020, có chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Thanh L với nội dung *"Tôi tên Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1967, thường trú: 272 L, B, L... ngày 10/10/2020, tôi có mượn của bà Lê Ngọc T số tiền là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), lãi suất: 02%, thời hạn: 12 tháng, thời gian trả lãi: 10/5/2021..."* nên có cơ sở xác định giữa các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền 2.000.000.000 đồng, có thỏa thuận thời hạn vay và lãi suất. Đối với biên nhận ngày 15/11/2020 *"có mượn thêm 300.000.000 đồng"* cũng do ông L trực tiếp viết và ký tên, tại biên nhận này không thỏa thuận thời hạn vay và lãi suất.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà T với ông L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị

lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Việc ông L trình bày trong khoản vay 2.000.000.000 đồng của biên nhận ngày 10/11/2020, chỉ là việc xác nhận nợ trước đó giữa ông L và bà T, chứ không có việc giao nhận tiền trên thực tế. Tuy nhiên, bà T không đồng ý với ý kiến trình bày của ông L, đồng thời, ông L cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện biên nhận ngày 10/11/2020 là xác nhận nợ bao gồm cả số tiền ông L còn nợ ông Vũ Hoàng K là 1.500.000.000 đồng đã được giải quyết bằng Bản án số 194/2022 /DS-ST ngày 19/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Mặt khác, tại văn bản trình bày ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Hoàng K vào ngày 04/5/2023 cũng đã xác định: quan hệ vay mượn tiền của bà T với ông L hoàn toàn không liên quan đến số nợ ông K đã cho ông L và bà Phạm Thị Kim L (vợ ông L) vay được Toà án xét xử. Do đó, ý kiến trình bày của ông L không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Do ông L đã vi phạm thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay trong hợp đồng theo nội dung thoả thuận nên cần buộc ông L trả số tiền gốc, lãi cho bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Đối với yêu cầu trả lãi suất trên nợ gốc chưa thanh toán của ông L, Hội đồng xét xử xét thấy do ông L chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật.

Đối với khoản vay 2.000.000.000 đồng là hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi, thời hạn trả lãi tính từ ngày 10/5/2021. Do bà T trình bày ông L đã trả được 03 tháng lãi với lãi suất 2%/tháng tương đương với số tiền 120.000.000 đồng, mức lãi suất trên là cao hơn so với mức lãi suất mà pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, cần phải khấu trừ số tiền lãi vượt quá quy định vào số tiền lãi chưa trả là 20.000.000 đồng. Đồng thời, do kỳ hạn trả lãi từ ngày 10/5/2021 mà ông L đã trả được 03 tháng nên chỉ có căn cứ chấp nhận mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 10/9/2021:

(2.000.000.000 đồng x 20%/năm x 637 ngày) – 20.000.000 đồng = 678.082.191 đồng.

Đối với khoản vay 300.000.000 đồng là hợp đồng vay không kỳ hạn, không lãi suất do bà T không cung cấp được văn bản thể hiện đã yêu cầu ông L trả số tiền này nên chỉ có căn cứ chấp nhận mức lãi suất 10% tính từ ngày Toà án thụ lý vụ án ngày 24/3/2023. Do nguyên đơn trình bày bị đơn đã trả lãi 03 tháng với mức lãi suất 20% tương đương số tiền 18.000.000 đồng, lãi mà ông L phải trả đối với khoản vay này với mức 10% từ ngày 24/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/6/2023:

300.000.000 đồng x 10%/năm x 77 ngày = 6.328.767 đồng.

Do ông L đã trả lãi vượt mức lãi suất pháp luật quy định nên số tiền còn lại tiếp tục khấu trừ vào nợ gốc là:

300.000.000 đồng (18.000.000 đồng – 6.328.767 đồng) = 288.328.767 đồng.

Tổng số tiền lãi ông L phải trả cho bà T còn lại là: 678.082.191 đồng.

[6] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông L có nghĩa vụ trả cho bà T tổng số tiền vốn, lãi là: 2.966.411.191 đồng (tạm tính đến ngày 08/6/2023), trong đó, nợ gốc: 2.288.329.000 đồng, lãi: 678.082.191 đồng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 26, 35, 39, 85, 86, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, 468, 469 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc T đối với ông Nguyễn Thanh L.

[2] Buộc ông Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ trả cho bà Lê Ngọc T tổng số tiền vốn, lãi là 2.966.411.191 đồng *(hai tỷ, chín trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm mười một nghìn, một trăm chín mươi mốt đồng)* (tạm tính đến ngày 08/6/2023), trong đó, nợ gốc: 2.288.329.000 đồng *(hai tỷ, hai trăm tám mươi tám triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn đồng)*, lãi: 678.082.191 đồng *(sáu trăm bảy mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi mốt đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh L phải chịu 91.328.224 đồng *(chín mươi mốt triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm hai mươi bốn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dung